

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02-3-2026

"Vv Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Triệu Minh Tư, bà Triệu Thị Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang. Địa chỉ số 331, đường Trần Phú, tổ 06 Trần Phú, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Vui, sinh ngày 11/11/2000; địa chỉ: Thôn Nà Thuông, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Ban Văn Hoan, sinh ngày 15/10/1994; địa chỉ: Thôn Nà Thuông, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Bể, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Tha, tổ 32, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vui trình bày: chị Vui và anh Hoan xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến ngày 11/5/2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Linh (cũ) nay là xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019. Mâu thuẫn phát sinh từ 2018 lý do là do có quan điểm sống khác nhau, anh Hoan thường xuyên chơi bời, uống rượu, bài bạc và không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được mọi người khuyên bảo, nhưng không có kết quả, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Vui có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị và anh Hoan được ly hôn.

Về con chung: tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị Vui đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019, đồng thời không yêu cầu anh Hoan có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện tại chị Vui đang đi làm ăn ở xa nên đề nghị Tòa án xem xét tạm giao hai cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019 cho bà Nguyễn Thị Bể, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Tha, tổ 32, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (*là mẹ đẻ của chị Vui*) chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị Vui trở về địa phương.

Về tài sản, công nợ chung: xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Ban Văn Hoan: các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Ban Văn Hoan có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng anh Hoan vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Đồng thời, anh Hoan vắng mặt không có lý do tại các tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Bể trình bày: chị Vui và anh Hoan xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017 hoàn toàn tự nguyện, khi đó do chị Vui chưa đủ 18 tuổi nên đến ngày 11/5/2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Linh (cũ) nay là xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019. Về mâu thuẫn bà Bể chỉ nghe chị Vui nói chuyện lại là: mâu thuẫn phát sinh từ 2018 lý do là do anh Hoan chơi bời và không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ông bà cũng đã khuyên bảo cả hai vợ chồng, nhưng không có kết quả.

Quá trình chung sống nhiều lần chị Vui đã đưa hai cháu về ở với gia đình bà Bể do mâu thuẫn với gia đình nhà chồng, từ tháng 10/2024 chị Vui đã về ở với ông bà cho đến nay.

Bà Bể hoàn toàn nhất trí tiếp tục chăm sóc các cháu để chị Vui đi làm kiếm tiền chăm lo cho cuộc sống và không có yêu cầu gì đối với anh Hoan và chị Vui.

Về nội dung có sự khác nhau đối với ngày tháng năm sinh của anh Ban Văn Hoan: theo tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện là Trích lục kết hôn, Giấy khai sinh của các cháu Ban Tuấn Kiệt và Ban Quốc Cường thì họ tên và ngày tháng năm sinh của bị đơn là anh Ban Văn Hoan, sinh ngày 05/10/1992. Tuy nhiên, tại Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Phú Linh cấp ngày 28/10/2025 thì anh Ban Văn Hoan, sinh ngày 15/10/1994; các thành viên khác trong hộ bao gồm Nguyễn Thị Vui, sinh ngày 11/11/2000 và 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh làm rõ tại Công an xã Phú Linh, Trưởng thôn Nà Thuông, xã Phú Linh. Kết quả:

Công an xã Phú Linh xác nhận: trên địa bàn thôn Nà Thuông, xã Phú Linh có duy nhất một công dân có họ tên là Ban Văn Hoan, sinh ngày 15/10/1994, ngoài ra không có công dân nào khác có thông tin nhân thân như trên.

Trưởng thôn Nà Thuông xác nhận: trên địa bàn thôn Nà Thuông từ trước đến nay chỉ có duy nhất một công dân có họ tên là Ban Văn Hoan; anh Ban Văn Hoan chính là chồng của chị Nguyễn Thị Vui, sinh ngày 11/11/2000 và có 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019; bố đẻ anh Hoan đã mất, mẹ đẻ anh Hoan họ và tên đầy đủ

là Lục Thị Thạch, sinh năm 1953, hiện cư trú tại thôn Nà Thuông, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, không có công dân nào khác tên là Ban Văn Hoan trên địa bàn thôn. Lý do tại sao lại có sự khác nhau về ngày tháng năm sinh của anh Hoan giữa trích lục kết hôn, giấy khai sinh và thông tin nơi cư trú thì không rõ. Tuy nhiên, việc đi kê khai, đăng ký thông tin của công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là do anh Hoan tự kê khai theo quy định. Do đó, thông tin được ghi trên Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Phú Linh cấp ngày 28/10/2025 thì anh Ban Văn Hoan, sinh ngày 15/10/1994 là chính xác và có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vui có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải; đồng thời cả chị Nguyễn Thị Vui, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bể đều có ý kiến, quan điểm xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên toà của Tòa án.

Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 13/02/2026, các bên đương sự vắng mặt nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà lần thứ hai ngày 02/3/2026, các bên đương sự tiếp tục vắng mặt (*nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ý kiến, quan điểm xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai*). Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang có ý kiến, quan điểm như sau:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vui.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Vui được ly hôn với anh Ban Văn Hoan.

3. Về con chung: giao các cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Vui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hoan không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do chị Vui hiện tại đang không có mặt tại địa phương nên đề nghị tạm giao các cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019 cho bà Nguyễn Thị Bể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị Nguyễn Thị Vui trở về địa phương.

4. Về tài sản, công nợ chung: không đề nghị giải quyết nên không xem xét.
5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Vui phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vui đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001622 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh

Tuyên Quang. Anh Ban Văn Hoan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Vui và anh Ban Văn Hoan xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Linh (cũ) nay là xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang; có địa chỉ thường trú tại thôn Nà Thuông, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang; đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung; về tài sản, công nợ chung không đề nghị giải quyết nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về xác định ngày tháng năm sinh của bị đơn anh Ban Văn Hoan: kết quả xác minh thể hiện trên địa bàn thôn Nà Thuông, xã Phú Linh từ trước đến nay chỉ có duy nhất một công dân có họ tên là Ban Văn Hoan; anh Ban Văn Hoan chính là chồng của chị Nguyễn Thị Vui, sinh ngày 11/11/2000 và có 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019; bố đẻ anh Hoan đã mất, mẹ đẻ anh Hoan họ và tên đầy đủ là Lục Thị Thạch, sinh năm 1953, hiện cư trú tại thôn Nà Thuông, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, không có công dân nào khác tên là Ban Văn Hoan trên địa bàn thôn Nà Thuông, xã Phú Linh. Việc đi kê khai, đăng ký thông tin của công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là do anh Hoan tự đi kê khai theo quy định. Do đó, cần xác định anh Ban Văn Hoan, sinh ngày 15/10/1994 theo thông tin được ghi trên Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Phú Linh cấp ngày 28/10/2025 là chính xác và có giá trị pháp lý.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:

[4] Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vui: có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do công việc và điều kiện đi lại khó khăn, nên chị Vui không thể có mặt tham gia phiên toà của Toà án.

[5] Đối với bị đơn anh Ban Văn Hoan: quá trình giải quyết vụ án anh Hoan vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên toà của Toà án mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó, Toà án tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Ban Văn Hoan theo thủ tục chung.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bể: quá trình giải quyết vụ án bà Bể đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bà Bể cũng có ý kiến, quan điểm xin vắng mặt.

[7] Từ những căn cứ nêu trên HĐXX căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vui, bị đơn anh Ban Văn Hoan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bể.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vui HĐXX thấy rằng: chị Vui và anh Hoan xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật; trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, quá trình

chung sống hạnh phúc; mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 với lý do có quan điểm sống khác nhau, anh Hoan không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo, nhưng không có kết quả, cả hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Do đó, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vui và anh Hoan đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Vui có đơn xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về con chung: hai anh chị có 02 con chung là cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019; chị Vui có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh Hoan phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Ban Quốc Cường con nhỏ, cháu Ban Tuấn Kiệt có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, cần giao cả hai cháu Kiệt và Cường cho chị Vui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Hoan không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ban Văn Hoan được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[9] Do hiện tại chị Nguyễn Thị Vui đang đi làm xa, không có mặt tại địa phương nên các cháu Ban Tuấn Kiệt và Ban Quốc Cường đang sinh sống, học tập và sinh hoạt cùng với bà ngoại (*mẹ đẻ của chị Vui*) là bà Nguyễn Thị Bê; về phía bà Bê hoàn toàn nhất trí tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Kiệt, Cường và không yêu cầu gì đối với chị Vui, anh Hoan, nên xét thấy cần tạm giao các cháu Ban Tuấn Kiệt và Ban Quốc Cường cho bà Nguyễn Thị Bê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị Vui trở về địa phương.

[10] Về tài sản, công nợ: quá trình giải quyết vụ án chị Vui xác nhận là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[11] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[12] Về án phí: chị Vui phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Anh Hoan không phải chịu án phí.

[13] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vui.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Vui được ly hôn anh Ban Văn Hoan.

3. Về con chung: giao các cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Vui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hoan không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hoặc do yêu cầu của một trong các bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Do chị Vui hiện tại đang không có mặt tại địa phương nên tạm giao các cháu Ban Tuấn Kiệt, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Ban Quốc Cường, sinh ngày 31/10/2019 cho bà Nguyễn Thị Bể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị Nguyễn Thị Vui trở về địa phương.

4. Về tài sản, công nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Vui phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vui đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001622 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Ban Văn Hoan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA, Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường